



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ  
THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2016 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38300312- 38358423
- Fax: (08) 38351488- 38390727
- Website: www.sobee.com.vn

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 64 người. Trong đó nhân viên quản lý là 18 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                     |            |                              |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Văn Hồng | Chủ tịch   | Bỏ nhiệm ngày 15/01/2015     |
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm  | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 15/01/2015     |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |
| • Ông Vũ Bùi Biển   | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 15/01/2015     |

### **Ban Kiểm soát**

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Lê Quang  | Trưởng ban | Bỏ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |
| • Bà Dương Vân Nhung | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 15/01/2015     |
| • Ông Hồ Anh Tuấn    | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                           |                   |                              |
|---------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh       | Tổng Giám đốc     | Bỏ nhiệm ngày 01/02/2015     |
| • Ông Nguyễn Trường Quang | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 01/02/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu       | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 01/02/2015 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn      | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 15/03/2016 |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa       | Kế toán trưởng    | Bỏ nhiệm lại ngày 01/02/2015 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

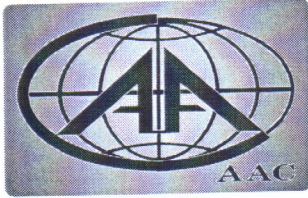
**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Thị Mai Anh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2017





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 219/2017/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05/02/2017, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2017

Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1403-2013-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>48.696.738.544</b>	<b>48.753.398.366</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.529.389.879</b>	<b>19.622.914.699</b>
1. Tiền	111	5	4.529.389.879	19.622.914.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.306.398.553</b>	<b>13.222.635.727</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.215.358.240	12.513.582.492
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	626.530.130	49.806.830
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	1.216.373.494	444.433.213
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(751.863.311)	(785.186.808)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	10	<b>21.343.956.193</b>	<b>15.495.221.556</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.626.936.858	16.444.994.014
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(282.980.665)	(949.772.458)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>516.993.919</b>	<b>412.626.384</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	422.456.909	212.354.328
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	94.537.010	200.272.056
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.163.400.943</b>	<b>32.950.506.970</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.909.913.266</b>	<b>16.609.913.266</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	14.909.913.266	16.609.913.266
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.278.497.257</b>	<b>12.670.603.636</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.278.497.257	342.553.636
- Nguyên giá	222		3.784.579.214	2.911.697.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.506.081.957)	(2.569.143.760)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	12.328.050.000
- Nguyên giá	228		34.000.000	12.362.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.000.000)	(34.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	14	<b>12.328.050.000</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		12.328.050.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	15	<b>7.329.000.000</b>	<b>3.329.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.329.000.000	3.329.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>317.940.420</b>	<b>340.990.068</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	317.940.420	340.990.068
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>84.860.139.487</b>	<b>81.703.905.336</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>26.663.716.973</b>	<b>25.983.615.921</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>26.663.716.973</b>	<b>25.983.615.921</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	21.066.049.760	21.005.948.390
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	945.151.410	2.109.402.613
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	465.128.715	157.408.153
4. Phải trả người lao động	314		1.147.503.358	310.849.642
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	358.318.964	1.349.343.121
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.680.564.713	841.234.449
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.001.000.053	209.429.553
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>58.196.422.514</b>	<b>55.720.289.415</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>58.196.422.514</b>	<b>55.720.289.415</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	21	(200.000.000)	(200.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	7.907.580.491	7.049.938.854
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	6.438.842.023	4.820.350.561
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	21	435.350.561	435.350.561
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	21	6.003.491.462	4.385.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>84.860.139.487</b>	<b>81.703.905.336</b>



**Đỗ Thị Mai Anh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2017

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thanh Hữu**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	375.092.271.520	327.721.485.594
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	4.826.740.694	1.137.089.998
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		370.265.530.826	326.584.395.596
4. Giá vốn hàng bán	11	24	324.389.606.178	291.092.807.932
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>45.875.924.648</b>	<b>35.491.587.664</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	613.028.518	2.002.673.929
7. Chi phí tài chính	22	26	439.190.934	929.809.634
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	344.805.022
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	20.674.546.968	15.356.536.481
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	15.393.128.662	12.968.272.356
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.982.086.602</b>	<b>8.239.643.122</b>
11. Thu nhập khác	31	28	1.435.098.856	1.192.173.069
12. Chi phí khác	32	29	400.422.562	208.127.611
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.034.676.294</b>	<b>984.045.458</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>11.016.762.896</b>	<b>9.223.688.580</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.440.346.522	2.029.775.554
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>8.576.416.374</b>	<b>7.193.913.026</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.565	1.394
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.565	1.394



**Tổng Giám đốc**

**Đỗ Thị Mai Anh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2017

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thanh Hữu**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016


Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	359.124.545.475	335.715.189.423
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(348.153.920.772)	(297.227.259.455)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.126.136.034)	(12.061.544.991)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	344.805.022
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.130.358.773)	(2.383.984.735)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.557.450.504	1.580.264.464
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.246.251.920)	(5.208.226.205)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(8.974.671.520)</b>	<b>20.759.243.523</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.296.881.818)	(12.411.085.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	250.000.000	(11.000.000.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	22.173.452.921
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.300.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	613.028.518	2.002.673.929
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.733.853.300)</b>	<b>765.041.850</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	13.485.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(14.485.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.385.000.000)	(5.262.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.385.000.000)</b>	<b>(6.262.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(15.093.524.820)</b>	<b>15.262.285.373</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.622.914.699	4.360.629.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.529.389.879</b>	<b>19.622.914.699</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
**Đỗ Thị Mai Anh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2017

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thanh Hữu**



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh Sách và Thiết bị giáo dục.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các công ty liên kết và góp vốn đầu tư như sau:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu.
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương.
- Công ty CP Đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Dự phòng*

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm kết thúc niên độ đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trang Web công ty	4

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chiết khấu thanh toán nhanh phải trả: chi phí phải trả được xác định theo số tiền khách hàng trả trước tiền hàng nhân cho số ngày trả trước và lãi suất quy định.
- Chi phí nhuận bút: được xác định theo tỷ lệ nhuận bút thỏa thuận và phí giao thầu cho từng bộ sách, trong đó tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên cơ sở Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Cổ phiếu quỹ.**

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	212.392.764	717.627.320
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.316.997.115	18.905.287.379
<b>Cộng</b>	<b>4.529.389.879</b>	<b>19.622.914.699</b>

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	3.542.825.138	2.209.232.944
Các đối tượng khác	17.672.533.102	10.304.349.548
<b>Cộng</b>	<b>21.215.358.240</b>	<b>12.513.582.492</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	3.542.825.138	2.209.232.944
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	129.920.705	1.592.036.059
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	1.009.469.686	-
Các đối tượng khác	1.093.178.004	592.926.072
<b>Cộng</b>	<b>5.775.393.533</b>	<b>4.394.195.075</b>

### 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Kim Tân	599.690.000	-
Các đối tượng khác	26.840.130	49.806.830
<b>Cộng</b>	<b>626.530.130</b>	<b>49.806.830</b>

### 8. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
NXBGD Việt Nam (*)	505.597.443	-	-	-
Phải thu BHXH	-	-	18.620.359	-
Ký cược, ký quỹ	140.000.000	-	73	-
Phải thu CBCNV thuế TNCN	184.143.051	-	423.612.781	-
Phải thu khác	386.633.000	-	2.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.216.373.494</b>	<b>-</b>	<b>444.433.213</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản phải thu từ việc phân phối lợi nhuận 2016 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Mai Thị Lựu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
NXBGD Việt Nam	14.814.913.266	-	16.514.913.266	-
- Dự án Mai Thị Lựu (*)	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
- Quỹ đầu tư xuất bản	-	-	1.700.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	95.000.000	-	95.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.909.913.266</b>	<b>-</b>	<b>16.609.913.266</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HD/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 15 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Đến nay, đã có báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 14.814.913.266 đồng (tương ứng tỷ lệ 30%).

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	751.863.311	785.186.808
- Từ 3 năm trở lên	737.500.193	737.500.193
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.928.900	5.152.225
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	12.434.218	42.534.390
<b>Cộng</b>	<b>751.863.311</b>	<b>785.186.808</b>

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.561.229.408	-	2.202.137.467	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.314.098.697	-	1.644.838.710	-
Thành phẩm	3.422.640.550	-	3.469.571.481	-
Hàng hóa	10.683.833.884	282.980.665	8.970.775.537	949.772.458
Hàng gửi bán	1.645.134.319	-	157.670.819	-
<b>Cộng</b>	<b>21.626.936.858</b>	<b>282.980.665</b>	<b>16.444.994.014</b>	<b>949.772.458</b>

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016 là 375.024.505 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	162.860.260	128.878.442
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	259.596.649	83.475.886
<b>Cộng</b>	<b>422.456.909</b>	<b>212.354.328</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	317.940.420	340.990.068
<b>Cộng</b>	<b>317.940.420</b>	<b>340.990.068</b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	291.519.000	2.124.700.182	495.478.214	2.911.697.396
Mua sắm trong năm	-	1.196.681.818	100.200.000	1.296.881.818
Giảm trong năm	-	424.000.000	-	424.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>291.519.000</b>	<b>2.897.382.000</b>	<b>595.678.214</b>	<b>3.784.579.214</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	291.519.000	1.858.261.967	419.362.793	2.569.143.760
Khấu hao trong năm	-	323.939.295	36.998.902	360.938.197
Giảm trong năm	-	424.000.000	-	424.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>291.519.000</b>	<b>1.758.201.262</b>	<b>456.361.695</b>	<b>2.506.081.957</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	266.438.215	76.115.421	342.553.636
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.139.180.738</b>	<b>139.316.519</b>	<b>1.278.497.257</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 1.713.943.123 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2016.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Trang web công ty	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	12.328.050.000	34.000.000	12.362.050.000
Mua trong năm	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	12.328.050.000	-	12.328.050.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	34.000.000	34.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	12.328.050.000	-	12.328.050.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Không có TSCĐ vô hình nào đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2016.

### 14. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	12.328.050.000	12.328.050.000
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.328.050.000</b>	<b>12.328.050.000</b>
<b>Giá trị tổn thất do suy giảm giá trị</b>		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.328.050.000</b>	<b>12.328.050.000</b>

Là Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 457, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 04/08/2015. Công ty đang có kế hoạch bán lô đất này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	21%	2.100.000.000	-	2.100.000.000
- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu	35%	1.229.000.000	-	1.229.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	4%	4.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>7.329.000.000</b>		<b>3.329.000.000</b>

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết  
 - Công ty CP Sách TBGD Bình Dương  
 - Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu  
 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  
 - Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam

(i) Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2016 của các công ty nhận đầu tư còn lại đều có lãi, vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016 được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

(ii) Các cổ phiếu trên chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	15.060.669.233	12.829.752.760
Các đối tượng khác	6.005.380.527	8.176.195.630
<b>Cộng</b>	<b>21.066.049.760</b>	<b>21.005.948.390</b>

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	15.060.669.233	12.829.752.760
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	1.360.153.340	1.360.153.340
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	1.055.397.460	1.877.686.881
Các đối tượng khác	2.381.902.895	3.862.511.549
<b>Cộng</b>	<b>19.858.122.928</b>	<b>19.930.104.530</b>

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	706.130.873	425.435.115
Các đối tượng khác	239.020.537	1.683.967.498
<b>Cộng</b>	<b>945.151.410</b>	<b>2.109.402.613</b>

### 18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

#### a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	200.272.056	956.938.627	851.203.581	94.537.010
<b>Cộng</b>	<b>200.272.056</b>	<b>956.938.627</b>	<b>851.203.581</b>	<b>94.537.010</b>

#### b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	116.232.900	431.098.929	306.966.755	240.365.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.175.253	2.313.947.161	2.130.358.773	224.763.641
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí và lệ phí	-	199.059.947	199.059.947	-
<b>Cộng</b>	<b>157.408.153</b>	<b>2.947.106.037</b>	<b>2.639.385.475</b>	<b>465.128.715</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí nhuận bút tác giả	302.318.964	1.299.343.121
Các khoản trích trước khác	56.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>358.318.964</b>	<b>1.349.343.121</b>

### 20. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	48.391	-
Hoa hồng môi giới	1.264.627.403	517.359.702
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Chi phí vận chuyển	245.793.626	244.681.000
Phải trả khác	150.095.293	59.193.747
<b>Cộng</b>	<b>1.680.564.713</b>	<b>841.234.449</b>

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	44.050.000.000	(200.000.000)	5.320.112.782	5.697.350.561
Tăng trong năm	-	-	1.729.826.072	7.193.913.026
Giảm trong năm	-	-	-	8.070.913.026
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>7.049.938.854</b>	<b>4.820.350.561</b>
Số dư tại 01/01/2016	44.050.000.000	(200.000.000)	7.049.938.854	4.820.350.561
Tăng trong năm	-	-	857.641.637	8.576.416.374
Giảm trong năm	-	-	-	6.957.924.912
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>7.907.580.491</b>	<b>6.438.842.023</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.450.000.000	20.450.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>44.050.000.000</b>

### c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.820.350.561	5.697.350.561
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	8.576.416.374	7.193.913.026
Phân phối lợi nhuận	6.957.924.912	8.070.913.026
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.385.000.000	5.262.000.000
+ Chia cổ tức	4.385.000.000	5.262.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này (**)	2.572.924.912	2.808.913.026
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	857.641.637	1.729.826.072
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.715.283.275	1.079.086.954
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>6.438.842.023</b>	<b>4.820.350.561</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông số 194/NQ-ĐHCD ngày 27/05/2016.

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết HĐQT số 04/2016/NQ-HDQT ngày 06 tháng 07 năm 2016.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu sách giáo khoa	304.676.246.479	276.149.940.640
Doanh thu sách tham khảo	60.329.197.130	40.578.433.217
Doanh thu khác	10.086.827.911	10.993.111.737
<b>Cộng</b>	<b>375.092.271.520</b>	<b>327.721.485.594</b>

### 23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	4.826.740.694	1.137.089.998
<b>Cộng</b>	<b>4.826.740.694</b>	<b>1.137.089.998</b>

### 24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa	282.056.404.655	258.351.681.325
Giá vốn sách tham khảo	34.793.286.489	22.527.126.819
Giá vốn hoạt động khác	8.206.706.827	9.465.279.300
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(666.791.793)	748.720.488
<b>Cộng</b>	<b>324.389.606.178</b>	<b>291.092.807.932</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	346.708.518	1.316.187.870
Cổ tức, lợi nhuận được chia	266.320.000	686.486.059
<b>Cộng</b>	<b>613.028.518</b>	<b>2.002.673.929</b>

### 26. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	-	344.805.022
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	439.190.934	585.004.612
<b>Cộng</b>	<b>439.190.934</b>	<b>929.809.634</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi hoa hồng môi giới	2.230.324.339	1.512.363.998
Tiền lương nhân viên bán hàng	9.471.435.461	7.337.675.911
Chi phí vận chuyển sách	4.027.779.813	3.562.938.693
Chi phí khác	4.945.007.355	2.943.557.879
<b>Cộng</b>	<b>20.674.546.968</b>	<b>15.356.536.481</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương	5.451.751.857	4.499.507.458
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	2.488.120.919	2.598.292.084
Các khoản khác	7.453.255.886	5.870.472.814
<b>Cộng</b>	<b>15.393.128.662</b>	<b>12.968.272.356</b>

### 28. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ vận chuyển hàng hóa	38.663.661	16.150.150
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	1.074.278.183	990.916.421
Thu nhập từ thanh lý vật tư, hàng hóa	70.555.767	8.019.545
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	250.000.000	-
Thu nhập khác	1.601.245	177.086.953
<b>Cộng</b>	<b>1.435.098.856</b>	<b>1.192.173.069</b>

### 29. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền phạt chậm nộp thuế	84.696.457	-
Chi phí bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	298.392.134	208.107.777
Chi phí khác	17.333.971	19.834
<b>Cộng</b>	<b>400.422.562</b>	<b>208.127.611</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.016.762.896	9.223.688.580
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	291.087.408	2.563.938
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	557.407.408	689.049.997
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	266.320.000	686.486.059
Tổng thu nhập chịu thuế	11.307.850.304	9.226.252.518
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.440.346.522</b>	<b>2.029.775.554</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.261.570.061	2.029.775.554
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	178.776.461	-

### 31. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.576.416.374	7.193.913.026
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.715.283.275)	(1.079.086.954)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	1.715.283.275	1.079.086.954
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.861.133.099	6.114.826.072
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.385.000	4.385.000
<b>Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.565</b>	<b>1.394</b>

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.787.601.445	5.647.395.454
Chi phí nhân công	15.337.259.460	12.770.863.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	360.938.197	302.850.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.597.852.154	17.757.674.273
Chi phí khác bằng tiền	7.678.727.537	6.708.717.267
<b>Cộng</b>	<b>55.762.378.793</b>	<b>43.187.501.270</b>

### 33. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển 1.700.000.000 đồng từ khoản mục “Phải thu dài hạn khác” sang khoản “Đầu tư dài hạn khác vào Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam” theo Biên bản bù trừ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

### 35. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch, số dư ngoại tệ và không có nợ vay, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), hơn nữa đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt. Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	21.066.049.760	-	21.066.049.760
Chi phí phải trả	358.318.964	-	358.318.964
Phải trả khác	1.680.564.713	-	1.680.564.713
<b>Cộng</b>	<b>23.104.933.437</b>	<b>-</b>	<b>23.104.933.437</b>

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	21.005.948.390	-	21.005.948.390
Chi phí phải trả	1.349.343.121	-	1.349.343.121
Phải trả khác	841.234.449	-	841.234.449
<b>Cộng</b>	<b>23.196.525.960</b>	<b>-</b>	<b>23.196.525.960</b>

Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.529.389.879	-	4.529.389.879
Đầu tư tài chính	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu khách hàng	20.463.494.929	-	20.463.494.929
Phải thu khác	1.216.373.494	14.909.913.266	16.126.286.760
<b>Cộng</b>	<b>26.209.258.302</b>	<b>18.909.913.266</b>	<b>45.119.171.568</b>

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.622.914.699	-	19.622.914.699
Phải thu khách hàng	11.728.395.684	-	11.728.395.684
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khác	444.433.213	16.609.913.266	17.054.346.479
<b>Cộng</b>	<b>32.795.743.596</b>	<b>16.609.913.266</b>	<b>49.405.656.862</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

##### Công ty liên quan

##### Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm**

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Sách bổ trợ, sách tham khảo	32.034.899	1.122.659.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	277.205.743.210	247.214.743.066
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Sách tham khảo	108.937.500	120.750.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Sách bổ trợ, sách tham khảo	15.797.000	223.831.560
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo	213.589.886	174.234.020
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Sách giáo khoa	2.973.654.270	2.518.601.762
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Sách bổ trợ, sách tham khảo	3.559.985.160	3.127.430.001
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo, TBGD	9.500.476.449	6.297.268.318
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	3.766.249.748	3.231.229.679
Công ty CP Sách Dân tộc	Sách tham khảo	45.355.920	10.977.330
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Sách bổ trợ, sách tham khảo	3.200.877.815	2.787.346.859
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Sách giáo khoa, sách tham khảo	725.599.661	260.925.883
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Sách tham khảo, thiết bị	238.435.520	231.467.920
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Sách tham khảo	350.395.500	223.831.560
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Sách tham khảo	1.112.390.300	1.232.402.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Sách tham khảo	4.702.392.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Sách tham khảo	99.992.940	84.012.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.378.720.506	701.583.652
<b>Bán hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng sách, Lãi cho vay	317.112.026	2.942.645.963
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, c/khâu t/toán nhanh	387.233.666	896.124.863
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	234.548.480	162.030.050
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	3.160.482.859	5.099.058.165
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Cung ứng sách	12.499.916.797	12.835.376.047
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	32.677.442.183	23.030.820.330
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	76.699.409.923	47.795.398.984
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	9.548.763.360	12.566.507.370
Công ty CP Học liệu	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	1.807.464.548	2.774.502.167
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	536.282.700	760.821.600
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách, Thiết bị giáo dục	250.767.366	-
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách	1.847.789.890	1.062.215.957
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	1.055.969.342	1.244.402.987
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cung ứng sách	323.513.751	1.049.114.064
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng sách	3.927.259.928	9.530.500.584
Công ty CP Sách TBTH Bền Tre	Cung ứng sách	9.151.319.920	8.886.238.397
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung ứng sách	10.713.094.501	7.232.802.471
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Cung ứng sách	14.380.142.174	12.473.152.484

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đã thông báo về chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức bằng tiền là 10%, ngày chốt quyền nhận cổ tức là 12/01/2017. Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thanh Hữu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2017